

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

(có Danh mục 06 thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải sau khi nhận được Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Công khai tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và trên Trang thông tin điện tử của Sở theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện đăng tải đầy đủ Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 và Danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, địa chỉ www.tuyenquang.gov.vn.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ và hoàn thiện quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định; công khai đầy đủ nội dung của các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: dichvucong.gov.vn; Cổng Dịch vụ công của tỉnh, địa chỉ: dichvucong.tuyenquang.gov.vn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định sau đây:

- Khoản 51, 52, 54, 55, 56, 57 mục I (Lĩnh vực đường bộ) phần A, Phụ lục I; khoản 51, 52, 54, 55, 56, 57 mục I (Thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ), phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

- Khoản 16, 17, 18, 19, 20, 21 mục I (Lĩnh vực đường bộ), phụ lục II, danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang, ban hành kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 23/11/2017.

- Khoản 59, 60, 62, 63, 64, 65 mục I (Lĩnh vực đường bộ), phần A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh), danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa; Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang, ban hành kèm theo Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quy trình nội bộ số 56/VT, 57/VT, 59/VT, 60/VT, 61/VT, 62/VT ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố 145 quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP; | (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Phòng Tin học - Công báo (đ/c Thủy, Tùng);
- Lưu: VT, KSTTHC (Mai).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 709 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH									
Lĩnh vực Đường bộ (06 thủ tục)									
1	Cấp mới Giấy phép lái xe ¹	Chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch	Nộp hồ sơ trực tiếp tại các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh	- Lệ phí: 135.000 đồng/lần. - Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết 40.000 đồng/lần; sát hạch thực hành 50.000 đồng/lần. + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết 90.000 đồng/lần; sát hạch trong hình 300.000	- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.				

¹Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; căn cứ pháp lý của TTHC tại khoản 1, mục II Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH									
				đồng/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng 60.000 đồng/lần.	- Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.				
2	Cấp lại giấy phép lái xe ²	- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng: Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo	Sở Giao thông vận tải, địa chỉ: Số 336, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	- Lệ phí: 135.000 đồng/lần. - Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết 40.000 đồng/lần; sát hạch thực hành 50.000 đồng/lần.	- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</i> - Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.		x		x

²Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; căn cứ pháp lý của TTHC tại khoản 2, mục II Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến		
								Mức độ 3	Mức độ 4	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH										
		<p>quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch thì được cấp lại giấy phép lái xe</p> <p>- Trường hợp giấy phép lái xe bị mất hoặc quá thời hạn sử dụng 3 tháng trở lên:</p> <p>Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định hoặc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch</p>		<p>+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết 90.000 đồng/lần; sát hạch trong hình 300.000 đồng/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng 60.000 đồng/lần.</p>						

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH									
3	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp ³	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải, địa chỉ: Số 336, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 382019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.		x	x	
4	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do ngành Công an cấp ⁴	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải, địa chỉ: Số 336, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 382019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.		x	x	

³Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; căn cứ pháp lý của TTHC tại khoản 3, mục II Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

⁴Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; căn cứ pháp lý của TTHC tại khoản 4, mục II Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH									
5	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp ⁵	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải, địa chỉ: Số 336, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	Lệ phí: 135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.		x	x	
6	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam ⁶	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải, địa chỉ: Số 336, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.	x	x	x	

⁵Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của TTHC tại khoản 5, mục II Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

⁶Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; căn cứ pháp lý của TTHC tại khoản 6, mục II Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

